|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT NGUYỄN CHÍ THANH****ĐỀ THAM KHẢO** *(Đề thi có 07 trang)* | **KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025****Môn thi: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài: 50 phút* *(không kể thời gian phát đề)* |

**PHẦN I. *(4,5 điểm, 0,25 điểm/câu)* Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Nước ta có vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến nên

**A**. quanh năm có gió Tây hoạt động.

**B**. có khí hậu khác hẳn với các nước cùng vĩ độ.

**C**. có tài nguyên khoáng sản phong phú, sinh vật đa dạng.

**D**. nhận được lượng nhiệt bức xạ mặt trời lớn, nhiệt độ trung bình năm cao.

**Câu 2.** Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ là nhân tố quan trọng

**A**. quy định tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của tự nhiên Việt Nam.

**B**. làm cho địa hình của nước ta chủ yếu là núi cao.

**C**. làm cho thiên nhiên nước ta không bị phân hoá.

**D**. tạo ra sự khác biệt về thành phần tự nhiên ở các miền của nước ta.

**Câu 3.** Thiên nhiên nước ta có sự phân hoá theo chiều bắc – nam do

**A**. chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển Đông.

**B**. lãnh thổ nước ta trải dài qua nhiều vĩ độ.

**C**. ảnh hưởng của Tín phong bán cầu Bắc.

**D**. lãnh thổ nằm trong vùng nội chí tuyến.

**Câu 4.** Nguyên nhân chủ yếu gây mưa cho dải đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ là

**A**. áp thấp nhiệt đới và bão, gió mùa Tây Nam, gió Tây và gió mùa Đông Bắc.

**B**. gió mùa Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

**C**. dải hội tụ, Tín phong Bắc bán cầu và gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

**D.** gió hướng đông bắc, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ, bão và áp thấp nhiệt đới.

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sự phân bố dân cư nước ta?

**A**. Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất.

**B**. Tỉ lệ dân nông thôn cao hơn tỉ lệ dân thành thị.

**C**. Đông Nam Bộ có mật độ dân số thấp nhất cả nước.

**D**. Tỉ lệ dân thành thị tăng, tỉ lệ dân nông thôn giảm.

**Câu 6.** Ý nghĩa về mặt xã hội của quá trình đô thị hoá nước ta là

**A**. đóng góp tỉ lệ lớn vào ngân sách Nhà nước.

**B**. giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống.

**C**. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đất nước.

**D**. tạo cơ hội thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài.

**Câu 7.** Một trong những biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta hiện nay là

**A**. hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn.

**B**. đẩy mạnh thu hút khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**C**. phát triển một số ngành công nghiệp hiện đại, thân thiện với môi trường.

**D**. phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 8.** Một trong những đặc điểm phát triển của ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay là

**A**. chú trọng hình thức chăn nuôi trang trại.

**B**. đàn trâu có xu hướng tăng liên tục qua các năm.

**C**. chăn nuôi bò sữa chỉ phát triển ở ven các thành phố lớn.

**D**. luôn chiếm tỉ trọng trong trị giá sản xuất cao hơn ngành trồng trọt.

**Câu 9.** Xu hướng phát triển ngành nông nghiệp của nước ta hiện nay là

**A**. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt trong cơ cấu sản xuất.

**B**. tăng tỉ trọng ngành trồng cây công nghiệp hàng năm.

**C**. phát triển nông nghiệp xanh gắn với du lịch nông nghiệp.

**D**. giảm các sản phẩm của ngành chăn nuôi không qua giết thịt.

**Câu 10.** Hạn chế trong phát triển ngành thuỷ sản ở nước ta hiện nay là

**A**. khí hậu diễn biến thất thường, nhiều thiên tai.

**B**. thiếu lao động có kinh nghiệm sản xuất.

**C**. chưa thâm nhập được vào các thị trường khó tính.

**D**. khả năng mở rộng diện tích nuôi trồng hạn chế.

**Câu 11.** Nhận định nào sau đây đúng với xu hướng chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta hiện nay?

**A**. Giảm tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai khoáng.

**B**. Giảm nhanh tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

**C**. Hạn chế phát triển các ngành đòi hỏi lao động chất lượng cao.

**D**. Tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai khoáng đang có xu hướng tăng.

**Câu 12.** Thế mạnh nổi bật của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A**. khai thác và chế biến khoáng sản.

**B**. đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản.

**C**. chăn nuôi gia súc nhỏ và gia cầm.

**D**. trồng cây lương thực và thực phẩm.

**Câu 13.** Hạn chế về mặt xã hội của Đồng bằng sông Hồng là

**A**. mật độ dân số cao nhất.

**B**. ảnh hưởng của thiên tai.

**C**. tác động biến đổi khí hậu.

**D**. ô nhiễm môi trường.

**Câu 14.** Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác tài nguyên sinh vật biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A**. thu hút các nguồn đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**B**. góp phần phát triển công nghiệp và phân hóa lãnh thổ.

**C**. tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và giải quyết việc làm.

**D**.tạo ra các nghề mới và làm thay đổi bộ mặt nông thôn.

**Câu 15.** Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

**A**. ứng dụng công nghệ cao, đẩy mạnh chế biến, xây dựng thương hiệu.

**B**. phát triển thuỷ lợi, bảo vệ rừng đầu nguồn, thay đổi cơ cấu cây trồng.

**C**. thay đổi chính sách, đào tạo nghề cho lao động, phát triển thị trường.

**D**. mở rộng thị trường, xây dựng hạ tầng, sử dụng nhiều giống mới.

**Câu 16.** Giải pháp nào sau đây được chú trọng trong phát triển ngành công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ?

**A**. Chỉ tập trung phát triển các ngành dựa vào lợi thế tự nhiên.

**B**. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp truyền thống.

**C**. Phát triển các ngành công nghệ mới, sử dụng công nghệ cao.

**D**. Hạn chế phát triển ngành công nghiệp khai thác dầu mỏ và khí tự nhiên.

**Câu 17.** Nhận định nào sau đây **không** đúng về ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta?

**A.** Thúc đẩy các ngành khác phát triển.

**B.** Là ngành có thế mạnh lâu dài.

**C.** Thu hút nhiều nguồn vốn nước ngoài.

**D.** Mang lại hiệu quả kinh tế cao.

**Câu 18.** Điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông đường biển ở nước ta là

**A.** có đường bờ biển kéo dài và có bãi triều rộng.

**B.** khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn.

**C.** các tuyến đường ven bờ chủ yếu hướng bắc - nam.

**D.** đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.

**PHẦN II. *(4,0 điểm, 1,0 điểm/câu)* Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a)**, **b)**, **c)**, **d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Tăng trưởng kinh tế đô thị những năm gần đây đều trên 10%, cao gấp 1,5 – 2 lần so với mặt bằng chung của cả nước. Các đô thị đóng góp quan trọng trong việc giải quyết việc làm, tăng phúc lợi xã hội, tạo đột phá đối với việc thu hút đầu tư, phát triển khoa học – công nghệ, kinh tế khu vực đô thị đóng góp khoảng 70 % GDP cả nước. Tuy nhiên, làm thế nào để tăng trưởng đô thị mà không gây sức ép tới tài nguyên, cơ sở hạ tầng và dịch vụ,... vẫn là câu hỏi lớn chưa có lời giải đáp.

*(Nguồn: “Để đô thị thực sự trở thành động lực phát triển", Trang thông tin kinh tế của Thông tấn xã Việt Nam, ngày 7-11-2023)*

**a)** Các đô thị đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đất nước.

**b)** Lối sống đô thị đang làm cho các vùng nông thôn thay đổi theo chiều hướng xấu, chất lượng cuộc sống sa sút,...

**c)** Các đô thị cũng đang đóng góp quan trọng vào vấn đề an sinh xã hội.

**d)** Đô thị phát triển nhanh, phân tán sẽ làm cho việc sử dụng đất đai không hợp lí, hạn chế cơ hội cho thế hệ tương lai,...

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Dải hội tụ nội chí tuyến thường hoạt động từng đợt cách nhau 5 – 7 ngày và di chuyển theo phạm vi hoạt động của gió mùa Tây Nam. Vào giữa mùa hạ (tháng 8) dải hội tụ nội chí tuyến mang đến những trận mưa kéo dài ở Bắc Bộ, gọi là mưa ngâu. Vào cuối mùa hạ (tháng 9 – 10), khi gió mùa Tây Nam suy yếu, khí đó vị trí dải hội tụ ở Trung Trung Bộ, khoảng vĩ tuyến 160B – 170B và gây mưa lớn cho khu vực này. Từ tháng 10 – 11, dải hội tụ chỉ ở khu vực Nam Bộ, sau đó rút về bán cầu Nam vào tháng 11.

*(Trích “Địa lí tự nhiên Việt Nam”, Nguyễn Quyết Chiến, NXB Đại học Sư phạm)*

**a)** Dải hội tụ nội chí tuyến thường hoạt động thành từng đợt, không liên tục trong suốt thời gian mùa hạ.

**b)** Vào tháng 9, dải hội tụ nội chí tuyến hoạt động mạnh ở Bắc Bộ, là nguyên nhân gây hiện tượng mưa ngâu rả rích cho miền Bắc vào mùa hạ.

**c)** Dải hội tụ chủ yếu hoạt động trong khu vực nhiệt đới, là nguyên nhân chính gây tháng mưa cực đại cho 3 miền.

**d)** Thời gian hoạt động của dải hội tụ chậm dần từ Bắc vào Nam làm cho thời gian hoạt động của bão và thời gian mùa mưa cũng lùi dần từ Bắc vào Nam.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

*(Đơn vị: ti USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|   **Quốc gia** **Tiêu chí** | **Thái Lan** | **Ma-lai-xi-a** | **Phi-lip-pin** | **Mi-an-ma** |
| Trị giá xuất khẩu | 258,2 | 207,0 | 91,1 | 22,6 |
| Trị giả nhập khẩu | 233,4 | 185,3 | 119,2 | 20,9 |

*(Nguồn: Ngân hàng thế giới, World Bank, năm 2022)*

**a)** Ma-lai-xi-a có tổng trị giá xuất nhập khẩu lớn nhất trong các quốc gia kể trên.

**b)** Thái Lan, Phi-lip-pin và Mi-an-ma là nước nhập siêu.

**c)** Thái Lan, Ma-lai-xi-a và Mi-an-ma là nước xuất siêu.

**d)** Thái Lan có tổng trị giá xuất nhập khẩu lớn nhất trong các quốc gia kể trên.

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN VÀ CƠ CẤU SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|   **Năm** **Tiêu chí**  | **2010** | **2015** | **2021** |
| Sản lượng điện (tỉ kWh) | 91,7 | 157,9 | 244,9 |
| Cơ cấu sản lượng điện (%) |  |
| * *Thủy điện*
 | 38,0 | 34,2 | 30,6 |
| * *Nhiệt diện*
 | 56,0 | 63,8 | 56,2 |
| - Các nguồn điện khác | 6,0 | 2,0 | 13,2 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2022; Tập đoàn Điện lực Việt Nam năm 2022)*

**a)** Sản lượng điện của nước ta tăng liên tục trong giai đoạn 2010 – 2021.

**b)** Cơ cấu sản lượng điện phân bố tương đối đồng đều giữa các nguồn năng lượng.

**c)** Thuỷ điện đóng vai trò quan trọng và chủ yếu nhất trong cơ cấu sản lượng điện.

**d)** Sản lượng điện tăng liên tục do nhu cầu của sản xuất và đời sống.

**PHẦN III. *(1,5 điểm, 0,25 điểm/câu)* Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

**Câu 1.** Năm 2021, tổng diện tích rừng nước ta14,8 triệu ha, trong đó diện tích rừng tự nhiên là 10,2 triệu ha. Tính tỉ lệ diện tích rừng trồng của nước ta năm 2021. (Làm tròn kết kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

**Câu 2.** Năm 2021, khối lượng hàng hóa vận chuyển của cả nước ta là 1 621 598,9 nghìn tấn, trong đó ngành vận tải đường bộ là 1 303 327,9 nghìn tấn. Hỏi ngành vận tải đường bộ chiếm tỉ trọng bao nhiêu phần trăm trong tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển nước ta? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA, NĂM 2010 VÀ NĂM 2021

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Năm** **Tiêu chí**  | **2010** | **2021** |
| Diện tích gieo trồng *(triệu ha)* | 7,5 | 7,2 |
| Sản lượng *(triệu tấn)* | 40,0 | 43,9 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha so với năm 2010. (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha).

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2022

*(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2022** |
| Trị giá xuất khẩu | 72,2 | 162,0 | 282,6 | 371,7 |
| Trị giá nhập khẩu | 84,8 | 165,7 | 262,8 | 359,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2023)*

Căn cứ bảng số liệu trên, cho biết trong giai đoạn 2010 - 2022, tốc độ tăng trưởng trị giá xuất khẩu tăng nhanh hơn trị giá nhập khẩu là bao nhiêu %? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH CỦA CÁC THÁNG TRONG NĂM 2022 TẠI TRẠM KHÍ TƯỢNG CÀ MAU

*(Đơn vi: °C)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Nhiệt độ** | 27,1 | 27,9 | 28,0 | 28,7 | 28,6 | 28,7 | 27,9 | 27,8 | 27,4 | 27,4 | 27,7 | 26,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết biên độ nhiệt độ năm tại Cà Mau năm 2022 là bao nhiêu °C. (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C)

**Câu 6.** Năm 2021, diện tích đất tự nhiên của nước ta là 33 134,5 nghìn ha, số dân là 98,5 triệu người. Tính mật độ dân số của nước ta năm 2021. (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km2)

**---------------HẾT--------------**